TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 58/2019/QĐST-HNGĐ
Ngày: 15/10/2019
V/v Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v công nhận thuận tình ly hôn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Minh Tân.**

Thư ký phiên họp: Bà **Phạm Thị Minh Hiền** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Phạm Thị Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai, giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, theo Quyết định mở phiên họp số 132/2019/QĐMPH-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **Nguyễn Tiến Th1**, sinh 1986.

Địa chỉ cư trú: thôn HL, xã AL, huyện ThH, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Chị **Lê Thị Th2**, sinh năm 1995.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn HL, xã AL, huyện ThH, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ hiện nay: Huyện ĐV, Đài Loan.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Th để nhận các văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Tiến Ph - Sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn HL, xã AL, huyện ThH, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Th và chị Lê Thị Th tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường TrD, TP. BH, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt. Hiện hai vợ chồng đã ly thân, không còn liên lạc và không ai còn quan tâm đến ai. Anh Th và chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị TAND tỉnh Hải Dương giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Tiến Th và chị Lê Thị Th đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 25/8/2015. Sau khi ly hôn anh Th1 và chị Th2 thỏa thuận anh Th1 sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và anh Th1 tự nguyện không yêu cầu chị Th2 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Tiến Th1 và chị Lê Thị Th2 đều xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Tiến Th1 tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết việc dân sự: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của anh Nguyễn Tiến Th1 và chị Lê Thị Th2, chấp nhận sự tự nguyện của anh Th2 chịu cả 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến Th1 hiện đang sinh sống ở Việt Nam, chị Lê Thị Th1 hiện nay sinh sống ở Đài Loan (Trung Quốc), yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên TAND tỉnh Hải Dương đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản chị Lê Thị Th2 gửi về gồm Đơn xin ly hôn; Đơn xin xét xử vắng mặt; Giấy ủy quyền, toàn bộ giấy tờ này không có chứng thực nhưng đều đã được giám định chữ ký, chữ viết và xác định đúng là do chị Th2

viết. Anh Th1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị Th2 ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến Ph nộp và nhận các văn bản tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Th1 và chị Lê Thị Th1 tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường TrD, TP. B H, tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh nhiều mẫu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách. Hai vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Th1 và chị Th2 đã mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Th1 và chị Th2.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến Th1 và chị Lê Thị Th2 có 01 con chung là Nguyễn Tú L, sinh ngày 25/8/2015. Anh Th1, chị Th2 thống nhất để anh Th1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến khi đủ 18 tuổi nên cần chấp nhận là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Th1 tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Tòa án chấp nhận sự tự nguyện của anh Th1 và không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Th1 và chị Th2 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về chi phí giám định: Do anh Thưởng tự nguyện chịu cả chi phí giám định chữ ký, chữ viết, đề nghị Tòa án không ghi nhận trong quyết định, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Th1 tự nguyện chịu cả tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm (hôn nhân và gia đình) nên cần chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Tiến Th1** và chị **Lê Thị Th2**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Tiến Th1 và chị Lê Thị Th2 về việc anh Th1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Tú L, sinh ngày 25/8/2015 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tiến Th1 về việc không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở quyền và nghĩa vụ của chị Lê Thị Th về việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Tiến Th1 về việc chịu cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm (hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000 đồng anh Th1 đã nộp tạm ứng theo biên lai số AA/2017/0004932 ngày 27/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Th1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15/10/2019.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND phường Tr, TP BH, tỉnh Đồng Nai.*
- *UBND xã AL, huyện ThH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu tòa.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân